

Bản án số: 02 /2021/HNGĐ-PT
Ngày: 12- 01- 2021
V/v: tranh chấp tài sản sau ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Hải Dương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn

Ông Trần Đức Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 19/2020/TLPT-HNGĐ ngày 12/10/2020 về việc “tranh chấp tài sản sau ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/HNGĐ-ST ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1832/2020/QĐ-PT ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Tr, sinh năm 1978

Trú tại: Thôn n, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: ông Lê Minh T, Luật sư, Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Mai Văn M, sinh năm 1970

Trú tại: Thôn n, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt

3. Người làm chứng:

- Ông Mai Văn B, sinh năm 1964; Trú tại: Thôn n, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

- Chị Mai Hoàng A, sinh năm 1994, Trú tại: Thôn X, xã T, huyện S, Thành phố Hà Nội, vắng mặt.

- Ông Dương Văn L, trú tại thôn n, xã Đồng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- Ông Phùng Quang H, địa chỉ số A đường H, phường K, quận T, Thành phố Hồ Chí M, vắng mặt.

Ngoài ra trong vụ án này có còn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP S, tuy nhiên không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Hoàng Thị Tr trình bày: Bà và ông Mai Văn M kết hôn với nhau vào ngày 13/3/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có hai con chung là Mai Hoàng A, sinh năm 1994 và Mai Hoàng V, sinh năm 2006. Năm 2018 khi bà đang lao động xuất khẩu tại Đài Loan thì ông M ở nhà làm đơn xin ly hôn. Tại bản án sơ thẩm số 29/2018/HNGĐ-ST ngày 12/9/2018, Tòa án nhân tỉnh Quảng Bình đã xét xử cho ông M được ly hôn bà Tr, giải quyết nuôi con chung. Về tài sản ông M không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét. Sau khi bà về nước, bà và ông M không thỏa thuận được việc phân chia tài sản nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết các tài sản sau:

- Thửa đất số 80, tờ bản đồ số 26, diện tích 184,5m² tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 225822 ngày 14/9/2016 đứng tên Mai Văn M trị giá 400.000.000 đồng. Trên thửa đất có 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích 25,1m² xây dựng đã lâu nên giá trị còn lại không đáng kể. Mặc dù bà không đóng góp tiền bạc gì để mua đất làm nhà nhưng đây là tài sản chung được hình thành trong thời gian ông bà chung sống với nhau như vợ chồng trước khi kết hôn, hiện ông M đã lấy vợ khác và làm nhà riêng nên bà có nguyện vọng giao đất này cho con trai Mai Hoàng V sinh năm 2006 được quyền sở hữu, sử dụng.

- Thửa đất số 224, tờ bản đồ số 4, diện tích 104m² tại thôn 7B, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 377116 ngày 16/9/2004. Trong thời gian bà đi Đài Loan ông M ở nhà tự ý chuyển nhượng thửa đất này cho bà Phan Thị X với giá 460.000.000 đồng. Ông M lấy tiền và sử dụng riêng nên bà đề nghị đưa số tiền ông M đã chuyển nhượng vào tài sản chung của vợ chồng để chia.

- Thửa đất số 515, tờ bản đồ số 8, diện tích 208m² tại thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 899781 ngày 23/4/2007 mang tên Hoàng Thị Tr, trị giá 360.000.000 đồng. Bà muốn được quyền sử dụng thửa đất này.

- Chiếc xe ô tô Fortuner Toyota BKS 73A-05271 trị giá 600.000.000 đồng.

Phía bị đơn ông Mai Văn M trình bày: Đối với yêu cầu chia tài sản của bà Tr ông có ý kiến như sau:

- Thửa đất số 80, tờ bản đồ số 26, diện tích 184,5m² đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 225822 ngày 14/9/2016, trên thửa đất có 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích 25,1m² là tài sản riêng của ông trước khi kết hôn với bà Tr. Thửa đất này do anh trai ông là ông Mai Văn B mua cho ông năm 1996 để sinh sống do nhà đất của bố mẹ giao cho ông B sử dụng. Trước đây khi chưa cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa số 70, tờ bản đồ số 7, diện tích 198m² được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L715928 ngày 30/01/1999. Ông không

nhất trí yêu cầu chia tài sản chung của bà Tr, không chấp nhận giao nhà và đất cho con trai Mai Hoàng V. Hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất này ông đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP S. Nếu sau này con Mai Hoàng V trưởng thành mà nhà đất còn ông sẽ giao lại cho con.

- Thửa đất số 224, tờ bản đồ số 4, diện tích 104m² được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 377116 ngày 16/9/2004. Ông đã chuyển nhượng cho bà Phan Thị X với giá 160.000.000 đồng (thể hiện tại hợp đồng chuyển nhượng) khi được sự nhất trí của bà Tr. Sau khi chuyển nhượng ông đã dùng hết số tiền này để làm thủ tục cho con gái Mai Hoàng A xuất cảnh sang du học tại Hàn Quốc vào năm 2015 nên không còn để phân chia.

- Thửa đất số 515, tờ bản đồ số 8, diện tích 208m² đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 899781 ngày 23/4/2007 mang tên Hoàng Thị Tr là tài sản chung của ông, bà yêu cầu Tòa án chia đôi.

- Chiếc xe ô tô Fortuner Toyota BKS 73A-05271 là tài sản của công ty TNHH vật liệu xây dựng tổng hợp Bình M, hiện tại xe đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP S chi nhánh Quảng Bình – Phòng giao dịch huyện B để vay vốn kinh doanh.

Đại diện Ngân hàng TMCP S trình bày:

Công ty TNHH vật liệu xây dựng tổng hợp Bình M đã vay vốn và thế chấp chiếc xe ô tô Fortuner Toyota BKS 73A-05271 tại Ngân hàng đây là tài sản đảm bảo cho khoản vay của ông M. Ngoài ra ông Mai Văn M còn thế chấp thửa đất số 80, tờ bản đồ số 26, diện tích 184,5m² và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích 25,1m². Hợp đồng thế chấp tài sản giữa ông M với Ngân hàng là hợp pháp do nhà đất đứng tên ông M có trước khi kết hôn với bà Tr. Hiện khoản vay của ông M chưa đến hạn trả nợ nên đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để phân chia tài sản chung của ông M và bà Tr tuy nhiên đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng.

Những người làm chứng:

Ông Mai Văn B trình bày: Ông là anh trai của ông M và là thành viên của Công ty TNHH vật liệu xây dựng tổng hợp Bình M. Khi thành lập công ty do khó khăn về vốn nên ông đã góp 500.000.000 đồng vào Công ty để mua chiếc xe ô tô Fortuner Toyota BKS 73A-05271 nhằm phục vụ cho công việc kinh doanh. Đối với thửa đất số 80, tờ bản đồ số 26, diện tích 184,5m² đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 225822 ngày 14/9/2016 là ông mua cho ông M vào năm 1996, thời gian này ông M đang đi làm ăn ở nước ngoài chứ không có sự đóng góp của bà Tr.

Chị Mai Hoàng A trình bày: Vào tháng 10/2015 chị có đi du học Hàn Quốc và chi phí thủ tục đi du học là do ông M và bà Tr chu cấp. Do thời gian đã lâu nên chị không nhớ chi phí du học là bao nhiêu và bố mẹ chu cấp số tiền cụ thể như thế nào. Số tiền ông M chuyển nhượng thửa đất số 224, tờ bản đồ số 4, diện tích 104m² được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 377116 ngày 16/9/2004 với số tiền bao nhiêu, ông M sử dụng vào việc gì chị không biết.

Bản án sơ thẩm số 16/2020/HNGĐ-ST ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29, Điều 33, Điều 43, Điều 59, khoản 2 Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 213 và Điều 219 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 1, khoản 4 Điều 26, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Tr về chia tài sản sau ly hôn, xử:

Giao cho bà Hoàng Thị Tr được quyền sử dụng thửa 515, tờ bản đồ số 8, diện tích 208m² tại thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 899781 ngày 23/4/2007 mang tên Hoàng Thị Tr trị giá 360.000.000 đồng và nhận tiền chênh lệch chia tài sản từ ông Mai Văn M với số tiền 10.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản mà bà Tr được hưởng trong khối tài sản chung của vợ chồng là 370.000.000 đồng.

Không công nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị Tr về việc phân chia tài sản chung đối với thửa đất số 80, tờ bản đồ số 26 diện tích 184,5m² tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 225822 ngày 14/9/2016 mang tên Mai Văn M và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích 25,1m² (đã hết tài sản sử dụng). Xác định đây là tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng riêng của ông Mai Văn M.

Buộc bà Hoàng Thị Tr phải tháo dỡ chái nhà tạm làm bằng tôn làm trên thửa đất số 80 tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Giao ông Mai Văn M sở hữu số tiền 380.000.000 đồng trong số tiền 460.000.000 đồng mà ông M đã chuyển nhượng thửa đất 224, tờ bản đồ số 4, diện tích 104m² tại xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình cho bà Phạm Thị X. Ông Mai Văn M phải có trách nhiệm giao cho bà Hoàng Thị Tr số tiền chênh lệch chia tài sản là 10.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 27/8/2020 ông Mai Văn M có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm định giá lại thửa đất số 515, tờ bản đồ số 8 diện tích 208m².

Đối với thửa đất số 224 tờ bản đồ số 04 diện tích 104m² là tài sản chung của vợ chồng, trong thời gian bà Tr đi xuất khẩu lao động, vợ chồng đã bàn bạc chuyển nhượng cho bà Phạm Thị X và số tiền chuyển nhượng đất ông đã lo chi phí sinh hoạt và làm thủ tục cho con gái đi du học nhưng Tòa chỉ chấp nhận trừ cho ông số tiền 80 triệu đồng trong khi bà Tr không có chứng cứ chứng minh lại được Tòa án chấp nhận số tiền bà gửi cho con 120.000.000 đồng. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét để đảm bảo quyền lợi cho ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Mai Văn M trình bày: Ông không yêu cầu xem xét định giá lại thửa đất 515. Tuy nhiên ông yêu cầu xem xét lại khoản tiền

ông bỏ ra để cho con đi du học Hàn Quốc trên cơ sở những phiếu gửi tiền do ông Lợi gửi cho chị Mai Hoàng A (ông nhờ ông L gửi vì thời điểm đó ông cũng đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài). Tổng số tiền ông đã chi cho con gái là 360 triệu đồng.

Bà Hoàng Thị Tr không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Mai Văn M vì bà cũng tự bỏ tiền ra chu cấp cho con ăn học và con gái Mai Hoàng A đã thừa nhận điều đó.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình:

+ Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Thẩm quyền giải quyết, người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Mai Văn M rút nội dung kháng cáo về yêu cầu định giá lại thửa đất số 515, thửa đất số 8, diện tích 208m² tại xã Đ huyện B, tỉnh Quảng Bình nên Tòa không xem xét nội dung kháng cáo này. Đối với nội dung kháng cáo về xem xét lại chi phí lo cho con gái Mai Hoàng A đi du học, Hội đồng xét xử thấy rằng: Năm 2015 chị Mai Hoàng A đi du học Hàn Quốc. Theo chứng cứ ông M xuất trình thì ông đã gửi tiền cho con gái số tiền 360 triệu đồng gồm số tiền tự ông gửi, nhờ ông Dương Văn L gửi cho ông Phùng Văn Th để chi phí cho chị Mai Hoàng A các khoản du học; Trong các chứng cứ ông xuất trình không có hợp đồng xuất khẩu lao động với công ty có tư cách pháp nhân có thẩm quyền đưa người đi lao động ở nước ngoài. Theo bà Tr thì tổng chi phí du học của chị A là 200.000.000 đồng và hai người cùng gửi. Lời khai của bà Tr phù hợp với lời khai của chị A về chi phí du học của chị A do cả bố mẹ chịu. Án sơ thẩm không tính cho bà Tr số tiền chu cấp cho con trong khi lại tính cho ông M 80.000.000 đồng để trừ vào số tiền bán tài sản chung của vợ chồng là đã làm lợi cho ông M. Ông M dùng tài sản chung để chu cấp cho con du học nhưng không có sự đồng ý của bà Tr trong khi bà Tr đã dùng tiền riêng để chu cấp cho con nên kháng cáo của ông M về trừ tiền ông chu cấp cho chị Anh trong số tiền bán đất không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Mai Văn M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29, Điều 33, Điều 43, Điều 59, khoản 2 Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 213 và Điều 219 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 1, khoản 4 Điều 26; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Mai Văn M, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/HNGĐ-ST ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án ông Mai Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000458 ngày 27/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Bồ Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bồ Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Từ Thị Hải Dương

